TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Ngọc H, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn H1, sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Phạm Ngọc H trình bày: Chị và anh Hồ Văn H1 tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Do tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Gia H2, sinh ngày 08/11/2017, cháu đang sống với chị H. Chị H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H1 ấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên toà bị đơn anh Hồ Văn H1 trình bày: Anh và chị H chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Do tình cảm không còn anh H1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Gia H2, sinh ngày 08/11/2017, cháu đang sống với chị H, nếu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Ngọc H có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc H và anh Hồ Văn H1 chung sống và có đăng ký kết hôn nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị H thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tại phiên toà anh H1 cũng cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn, nên anh H1 đồng ý ly hôn. Do chị H, anh H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H, anh H1 thuận tình ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị H và anh H1 có 01 con chung tên Hồ Gia H2, sinh ngày 08/11/2017, đang sống chung với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi con. Cháu H2 cũng có nguyện vọng sống chung với chị H. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn môi trường sống của cháu H2, cần ổn định cho chị H nuôi dưỡng

con chung. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc H và anh Hồ Văn H1 được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Gia H2, sinh ngày 08/11/2017 cho chị Phạm Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Hồ Gia H2 tròn 18 tuổi. Anh Hồ Văn H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Ngọc H phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng theo biên lai số 0003519 ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh